

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1655/TTr-STP ngày 05 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 268 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương gồm:

- 01 TTHC áp dụng chung;
- 185 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp;
- 40 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- 42 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 22/05/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp



huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 25/06/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC – VPCP;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, KSTT, NC, Website;
- Trung tâm hành chính công;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TƯ PHÁP; THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định 2687/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG

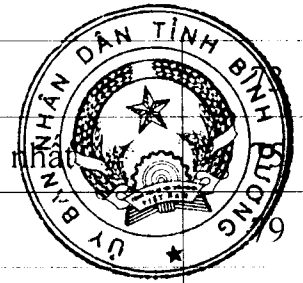
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
LĨNH VỰC CHỨNG THỰC		
1.	Cấp bản sao từ sổ gốc	1

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TƯ PHÁP**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG		
1.	1. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	3
2.	2. Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	7
3.	3. Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	9
4.	4. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	11

5.	5.	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	16
6.	6.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	18
7.	7.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	20
8.	8.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	24
9.	9.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	25
10.	10.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	29
11.	11.	Bỏ nhiệm công chứng viên	33
12.	12.	Bỏ nhiệm công chứng viên (trường hợp miễn đào tạo nghề công chứng)	36
13.	13.	Bỏ nhiệm lại công chứng viên	40
14.	14.	Miễn nhiệm công chứng viên	44
15.	15.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	48
16.	16.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	51
17.	17.	Xóa đăng ký hành nghề công chứng	54
18.	18.	Thành lập Văn phòng công chứng	56
19.	19.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	60
20.	20.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	64
21.	21.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	69
22.	22.	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	71





23.	23.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	
24.	24.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	
25.	25.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	
26.	26.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	81
27.	27.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	86
28.	28.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	88
29.	29.	Công chứng bản dịch	93
30.	30.	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	97
31.	31.	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	111
32.	32.	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	124
33.	33.	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	137
34.	34.	Công chứng di chúc	151
35.	35.	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	161
36.	36.	Công chứng văn bản khai nhận di sản	171
37.	37.	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	181
38.	38.	Công chứng hợp đồng ủy quyền	193
39.	39.	Nhận lưu giữ di chúc	207
40.	40.	Cấp bản sao văn bản công chứng	210
41.	41.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản	213
42.	42.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	215

II. LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN



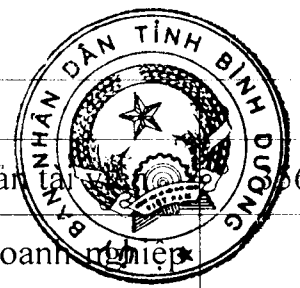
43.	1.	Thủ tục Cấp Thẻ Đấu giá viên	
44.	2.	Thủ tục thu hồi Thẻ đấu giá viên	
45.	3.	Thủ tục cấp lại Thẻ đấu giá viên	223
46.	4.	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	226
47.	5.	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	230
48.	6.	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác	234
49.	7.	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	238
50.	8.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	241
51.	9.	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	244
52.	10.	Thủ tục thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	247
53.	11.	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	249
54.	12.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	251
55.	13.	Thông báo nhận tập sự hành nghề đấu giá tài sản	254
56.	14.	Thông báo chấm dứt tập sự hành nghề đấu giá tài sản	256
57.	15.	Ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản	258

58.	16.	Thực hiện việc đấu giá tài sản	262
III. LĨNH VỰC LUẬT SƯ			
59.	1.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư (sửa đổi)	265
60.	2.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư (sửa đổi)	271
61.	3.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	277
62.	4.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	284
63.	5.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	287
64.	6.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	290
65.	7.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	293
66.	8.	Đăng ký văn phòng giao dịch của Văn phòng luật sư, Công ty luật	297
67.	9.	Chuyển đổi Công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh	299
68.	10.	Chuyển đổi Văn phòng luật sư thành Công ty luật	301
69.	11.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty luật bị hợp nhất, sáp nhập	303
70.	12.	Hợp nhất công ty luật	305
71.	13.	Sáp nhập công ty luật	307
72.	14.	Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư, công ty luật	309
73.	15.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	311





74.	16.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hành nghề luật sư tư cách cá nhân	
75.	17.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	317
76.	18.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	320
77.	19.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	322
78.	20.	Đăng ký hoạt động của công ty luật nước ngoài sau khi hợp nhất	324
79.	21.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	327
80.	22.	Đăng ký hoạt động của công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn đầu tư nước ngoài sau khi chuyển đổi từ chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài	331
81.	23.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam sau khi chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	335
82.	24.	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, <i>Đại hội bất thường</i> , phương án xây dựng nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư	337
83.	25.	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	339
IV. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN			
84.	1.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	341
85.	2.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	345
86.	3.	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	350
87.	4.	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	352
88.	5.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản	354



		lý, thanh lý tài sản	
89.	6.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản	366
90.	7.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	358
91.	8.	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	360
92.	9.	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	362
93.	10.	Gia hạn quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản Tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	364
94.	11.	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với Quản Tài viên	366
95.	12.	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	368
V. LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI			
96.	1.	Đăng ký làm hoà giải viên thương mại vụ việc	370
97.	2.	Thôi làm hoà giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hoà giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	373
98.	3.	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	375
99.	4.	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	379
100.	5.	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	381
101.	6.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	383
102.	7.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	387



103.	8.	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	
104.	9.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
105.	10.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	399
106.	11.	Thay đổi tên gọi, Trường chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	403
107.	12.	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	405
108.	13.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	407

VI. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT

109.	1.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	411
110.	2.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	414
111.	3.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	418
112.	4.	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	421
113.	5.	Chấm dứt hoạt động trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	424
114.	6.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	425
115.	7.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	428
116.	8.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	431
117.	9.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	432

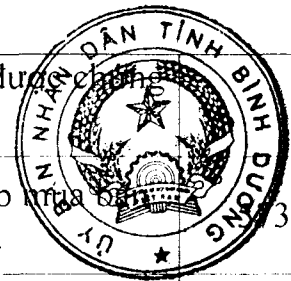
VII. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI



118.	1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	
119.	2.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	
120.	3.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	
121.	4.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	446
122.	5.	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	450
123.	6.	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài	452
124.	7.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	456
125.	8.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	460
126.	9.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	464
127.	10.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	466
128.	11.	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	471
129.	12.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	475
130.	13.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	480
131.	14.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	484



132.	15.	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	
133.	16.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	
134.	17.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trường Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	497
135.	18.	Thủ tục Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	499
136.	19.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	503
VIII. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP			
137.	1.	Thành lập Văn phòng giám định tư pháp	507
138.	2.	Đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	509
IX. LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI			
139.	1.	Thành lập văn phòng Thừa phát lại	511
140.	2.	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	516
141.	3.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	521
142.	4.	Bỏ nhiệm Thừa phát lại	524
143.	5.	Đề nghị cấp thẻ thừa phát lại	539
X. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM (THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI)			
144.	1.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	546
145.	2.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	555
146.	3.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là	564



		nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chuyển nhượng quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	
147.	4.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua ở tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	
148.	5.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	575
149.	6.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	585
150.	7.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	594
151.	8.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	601
152.	9.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	608
XI. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI			
153.	1.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	616
154.	2.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	621
XII. LĨNH VỰC HỘ TỊCH			
155.	1.	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	632
XIII. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH			
156.	1.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	637
157.	2.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	643
158.	3.	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	646
159.	4.	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	657
160.	5.	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	667
161.	6.	Thủ tục thông báo có quốc tịch nước ngoài	678

XIV. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP

162.	1.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam ở nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	
163.	2.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	692
164.	3.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	697
165.	4.	Thủ tục liên thông: cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp	702

**XV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**

166.	1.	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	742
167.	2.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	745
168.	3.	Thủ tục phục hồi danh dự	755

XVI. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

169.	1.	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh	771
170.	2.	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh	773

XVII. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

171.	1.	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	775
172.	2.	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	778
173.	3.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	781
174.	4.	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	784
175.	5.	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	785
176.	6.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	788

177.	7.	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	803
178.	8.	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	806
179.	9.	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	809
180.	10.	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	803
181.	11.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	806
182.	12.	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	810
XVIII. LĨNH VỰC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO			
183.	1.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	813
184.	2.	Giải quyết khiếu nại lần hai	817
185.	3.	Giải quyết tố cáo	821



C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC		
1.	1. Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	826
2.	2. Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	828
3.	3. Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	830
4.	4. Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	832

STT		TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
5.	5.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan tài sản là động sản	
6.	6.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tài sản là động sản	836
7.	7.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	838
8.	8.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	840
9.	9.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	842
10.	10.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	844
II. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM (THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI)			
11.	1.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	846
12.	2.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	855
13.	3.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	864
14.	4.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	873
15.	5.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	875
16.	6.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	885



STT		TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
17.	7.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thừa kế nhà ở bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
18.	8.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	
19.	9.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	908
II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH			
20.	1.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	916
21.	2.	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	923
22.	3.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	930
23.	4.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	935
24.	5.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	942
25.	6.	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	952
26.	7.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	957
27.	8.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	962
28.	9.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	969
29.	10.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	975
30.	11.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).	981
31.	12.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	997

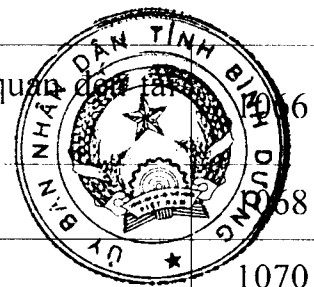


STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
32.	13.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
33.	14.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	1011
34.	15.	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	1016
35.	16.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	1021
IV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC			
36.	1.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	1027
37.	2.	Thủ tục phục hồi danh dự	1038
V. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT			
38.	1.	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật huyện	1055
39.	2.	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện	1057
40.	3.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (cấp huyện)	1059



D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

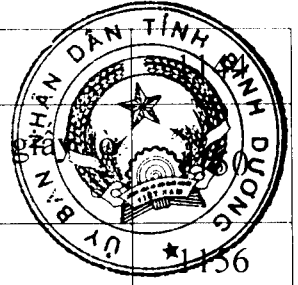
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		TRANG
I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC			
1.	1.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	1062
2.	2.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	1064



3.	3.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	1076
4.	4.	Thủ tục chứng thực di chúc	1078
5.	5.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	1070
6.	6.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1072
7.	7.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1074
8.	8.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	1076
9.	9.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	1078
10.	10.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	1080

II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

11.	1.	Thủ tục đăng ký khai sinh	1082
12.	2.	Thủ tục đăng ký kết hôn	1087
13.	3.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1092
14.	4.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	1097
15.	5.	Thủ tục đăng ký khai tử	1104
16.	6.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1109
17.	7.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1113
18.	8.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1118
19.	9.	Thủ tục đăng ký giám hộ	1122
20.	10.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	1127
21.	11.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	1132
22.	12.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1137



23.	13.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	
24.	14.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, cá nhân	
25.	15.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
26.	16.	Thủ tục đăng ký lại khai tử	1161
27.	17.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	1166
28.	18.	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1171
29.	19.	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1182
III. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI			
30.	1.	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	1189
31.	2.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	1202
IV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC			
32.	1.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	1207
V. LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ			
33.	1.	Thủ tục bầu hòa giải viên (cấp xã)	1218
34.	2.	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	1222
35.	3.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	1224
36.	4.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	1226
37.	5.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	1228
38.	6.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	1230
39.	7.	Thủ tục công nhận hòa giải viên	1232
40.	8.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực	1234

		hiện hoạt động hòa giải	
VI. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT			
41.	1.	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	237
42.	2.	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	1238

